

Bản án số: 06 /2021/KDTM - PT
Ngày: 18 – 6 – 2021
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Vương Thảo

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Bé

Ông Trần Đình Quảng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Ngân, cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thắng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2021/TLPT-KDTM ngày 03 tháng 3 năm 2021 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2021/KDTM – ST ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 10/2021/QĐXXPT – KDTM ngày 07 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 36/2021/QĐ – PT ngày 27 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn KL VN.

Địa chỉ: Tầng x TTTM, Tòa nhà CTM Complex, số x Cầu Giấy, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn L V, địa chỉ: số x đường Kỳ Đồng, phường Xuân Hà, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng - đại diện theo ủy quyền theo Văn bản ủy quyền của Tổng Giám đốc Công ty TNHH KL lập ngày 26/8/2020 (có mặt).

2. *Bị đơn:* Công ty Cổ phần S.

Địa chỉ: Đường số y KCN Hòa Cầm, phường Hòa Thọ Tây, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, Nhân viên Công ty - đại diện theo ủy quyền, theo Văn bản ủy quyền số 92/GUQ-S ngày 18/11/2020 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty (vắng mặt).

3. *Người kháng cáo:* Công ty Cổ phần S là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn KL VN ông Nguyễn L V trình bày:

Công ty KL và Công ty Cổ phần S (Sau đây gọi tắt là Công ty S) có ký kết và thực hiện các hợp đồng gồm: Hợp đồng nguyên tắc số KLVN201808-3315/HĐNT/SMART-KINLONG ngày 04/9/2018 và Hợp đồng nguyên tắc số KLVN201908-3060/HĐNT/SMART-KINLONG ngày 05/8/2019 với cùng nội dung: Công ty KL sẽ cung cấp hàng hóa cho Công ty S với chi tiết hàng hóa, số lượng, giá cả theo từng Hợp đồng mua bán hoặc Đơn đặt hàng tương ứng đối với từng lô hàng cụ thể là vật tư, phụ kiện của Công ty S lắp đặt cho một số công trình.

Sau khi nhận được các đơn đặt hàng của Công ty S, Công ty KL đều đã bàn giao đầy đủ hàng hoá và các loại giấy tờ theo thỏa thuận. Hai bên đã lập các biên bản đối chiếu công nợ ngày 10/6/2019, Biên bản đối chiếu công nợ từ ngày 01/4/2019 đến ngày 31/5/2019 cho Hợp đồng nguyên tắc số KLVN201808-3315, số tiền là 227.967.531 đồng và ngày 16/9/2019, lập Bảng xác nhận công nợ từ ngày 01/6/2019 đến ngày 31/8/2019, số tiền 425.257.629 đồng cho cả hai hợp đồng trên, bao gồm cả số công nợ 227.967.531 đồng theo Bảng xác nhận công nợ ngày 10/6/2019. Ngoài ra, sau khi ký Bảng xác nhận công nợ ngày 16/9/2019, Công ty S còn đặt hàng một số đơn hàng nhỏ lẻ với số tiền 13.457.455 đồng. Tổng số tiền nợ gốc là 438.715.084 đồng.

Công ty KL đã nhiều lần yêu cầu Công ty S thanh toán số tiền hàng còn

nợ nhưng Công ty S không trả nợ. Do đó, Công ty KL khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty S phải trả cho Công ty KL số tiền là 467.360.254 đồng, trong đó nợ do mua bán hàng hoá là 438.715.084 đồng và tiền lãi chậm trả là 28.645.170 đồng với mức lãi suất 0,83%/ tháng, tính từ ngày 26/5/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là 07 tháng 26 ngày.

Tại Bản tự khai không đề ngày, nộp ngày 19/11/2020, người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty S trình bày: Công ty S không đồng ý trả số tiền nợ do mua bán hàng hóa là 438.715.084 đồng vì lý do Công ty S và Công ty KL chưa tiến hành đối chiếu công nợ. Công ty S yêu cầu hai bên tiến hành rà soát, đối chiếu công nợ minh bạch, rõ ràng. Công ty S không đồng ý trả số tiền lãi tạm tính từ ngày 26/5/2020 đến ngày 26/8/2020 theo lãi suất 0,83%/ tháng theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Với nội dung vụ án như trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2021/KDTM – ST ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng quyết định:

Căn cứ:

- Điều 30, 35, 38, 39, 147, 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 24, Điều 50, Điều 55 và Điều 306 của Luật Thương mại;
- Điều 11 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn KL VN đối với Công ty Cổ phần S về việc tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa.

2. Buộc Công ty Cổ phần S phải thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn KL VN số tiền là 467.360.254 đồng (*Bốn trăm sáu mươi bảy triệu ba trăm sáu mươi nghìn hai trăm năm mươi bốn đồng*), trong đó nợ tiền hàng là 438.715.084 đồng và tiền lãi là 28.645.170 đồng (tính từ ngày 26/5/2020 đến ngày 21/01/2021).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự và quy định về thi hành án dân sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/02/2021, bị đơn Công ty S có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm vì lý do: Công ty S không nhận được văn bản đòi nợ của Công ty KL, kể cả Công văn số 2020.04.08/KLVN ngày 26/5/2020 của Công ty KL. Hợp đồng không có thỏa thuận lãi suất 0,83%/tháng. Đối với số tiền 13.457.455 đồng thì các bên chưa đối chiếu công nợ. Hiện nay do dịch bệnh nên Công ty S đang khó khăn xin trả nợ dần trong 01 năm. Công ty S đề nghị sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty KL đối với số nợ 13.457.455đ và tiền lãi trên toàn bộ số nợ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Công ty S trả lãi chậm trả tính từ ngày 26/6/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 21/01/2021, theo mức lãi suất là 6,5%/năm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến kiểm sát tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử sửa Bản án sơ thẩm theo hướng điều chỉnh mức lãi suất và thời gian tính lãi theo yêu cầu của đại diện nguyên đơn tại phiên tòa với mức lãi suất 6,5%/năm và thời gian tính lãi từ ngày 26/6/2020. Về án phí đề nghị áp dụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn chị Nguyễn Thị Huệ có đơn đề nghị xử vắng mặt, do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu kháng cáo của Công ty Cổ phần S:

[2.1] Đối với số tiền nợ gốc 438.715.084 đồng: Các đương sự đã thống nhất nợ gốc phát sinh từ Hợp đồng nguyên tắc số KLVN201808-3315/HĐNT/SMART-KINLONG ngày 04/9/2018 và Hợp đồng nguyên tắc số KLVN201908-3060/HĐNT/SMART-KINLONG ngày 05/8/2019, Biên bản đối chiếu công nợ ngày 10/6/2019 và ngày 16/9/2019 là 425.257.629 đồng. Và 05 Hóa đơn giá trị gia tăng do Công ty KL đã xuất gồm: hóa đơn số 0021651 ngày 05/9/2019 số tiền là 487.300 đồng, số 0021650 ngày 05/9/2019 với số tiền 8.405.925 đồng, số 0022167 ngày 16/9/2019 với số tiền 1.233.870 đồng, số

0022254 ngày 17/9/2019 với số tiền 2.416.260 đồng và số 0022750 ngày 25/9/2019 với số tiền 914.100 đồng. Ngày 26/5/2020 Công ty KL đã ban hành Công văn số 2020.04.08/KLVN về việc yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty KL về phần nợ gốc với số tiền 438.715.084 đồng là đúng, có căn cứ quy định pháp luật.

[2.2] Đối với tiền lãi chậm trả và thời gian tính lãi: Tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty KL xuất trình vận đơn số BK1000843798 thể hiện Công ty S đã nhận được Công văn số 2020.04.08/KLVN nói trên vào ngày 25/6/2020 và thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền lãi và thời gian tính lãi chậm trả. Cụ thể: Công ty KL yêu cầu Công ty S trả lãi chậm trả tính từ ngày 26/6/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 21/01/2021 với mức lãi suất 6,5%/năm. Việc thay đổi yêu cầu tính lãi trong phạm vi khởi kiện đã được cấp sơ thẩm giải quyết nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2.1] Xét yêu cầu tính lãi chậm trả của nguyên đơn thì thấy: Về mức lãi suất áp dụng, theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại và Điều 11 Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì khi xác định lãi suất chậm trả đối với số tiền chậm trả, Tòa án căn cứ vào mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của ít nhất 03 (ba) ngân hàng thương mại, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định khác. Căn cứ vào Công văn số 83/NHCL ngày 17/11/2020 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh quận Cẩm Lệ Nam Đà Nẵng, Công văn số 212/CTĐN-TH về việc cung cấp thông tin lãi suất ngày 26/11/2020 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng và Công văn số 829/CV.ĐAN-KT về việc cung cấp thông tin lãi suất ngày 19/11/2020 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng, thì mức lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường vào thời điểm xét xử sơ thẩm là: $(8,5\% + 9\% + 7,2\%)/3 \times 150\% = 12,35\%/ \text{năm}$. Do mức lãi suất nguyên đơn đề nghị áp dụng 6,5%/năm thấp hơn mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường, có lợi cho bị đơn nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2.2] Về thời gian tính lãi: Do trong Hợp đồng các bên không thỏa thuận việc tính lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên sau khi bên bán giao hàng cho bên mua và xuất hóa đơn giá trị gia tăng thì bên mua có nghĩa vụ thanh toán nợ gốc, trường hợp chưa thanh toán thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự. Tại Công văn số 2020.04.08/KLVN ngày 26/5/2020 của Công ty KL đã nêu rõ:

Kể từ ngày gửi thông báo này, nếu Công ty S không thanh toán thì số nợ sẽ được tính tiền lãi chậm thanh toán, nhưng theo vận đơn số BK1000843798 do Công ty KL cung cấp thể hiện Công ty S nhận được Công văn này vào ngày 25/6/2020, như vậy, có cơ sở xác định thời điểm tính lãi chậm trả bắt đầu từ ngày 26/6/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 21/01/2021 là 6 tháng 26 ngày. Công ty S phải trả số tiền lãi chậm thanh toán là $438.715.084 \text{ đồng} \times 6,5\%/năm \times (6 \text{ tháng } 26 \text{ ngày}) = 16.267.554 \text{ đồng}$.

[3] Công ty S cho rằng hiện nay do dịch bệnh nên Công ty S đang khó khăn xin trả nợ dần trong thời hạn một năm nhưng không được Công ty KL đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận.

[4] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2021/KDTM-ST ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty S thanh toán cho Công ty KL số tiền là 454.982.638 đồng, trong đó nợ gốc là 438.715.084 đồng và tiền lãi là 16.267.554 đồng. Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Án phí sơ thẩm: Công ty S chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 22.199.305 đồng, theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Án phí phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm, Công ty S không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 296 và khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 50, Điều 55 và Điều 306 Luật Thương mại;
- Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự;
- Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

– Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

– Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn Công ty Cổ phần S. Sửa một phần bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2021/KDTM – ST ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn KL VN đối với Công ty Cổ phần S về việc tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa.

2. Buộc Công ty Cổ phần S thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn KL VN số tiền là 454.982.638 đồng (*bốn trăm năm mươi bốn triệu, chín trăm tám mươi hai nghìn, sáu trăm ba mươi tám đồng*), trong đó nợ gốc là 438.715.084 đồng và tiền lãi là 16.267.554 đồng.

3. Kể từ ngày Công ty Trách nhiệm hữu hạn KL VN có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong Công ty Cổ phần S phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí kinh doanh thương mại:

4.1. Án phí sơ thẩm

a. Công ty Cổ phần S chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 22.199.305 đồng.

b. Hoàn trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn KL VN số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.993.642 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001407 ngày 15/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

4.2. Án phí phúc thẩm:

Công ty Cổ phần S không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Hoàn trả Công ty Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008670 ngày 25/02/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân Q. Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS Q. Cẩm Lệ;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án (1b), Tổ nghiệp vụ
- Văn phòng (1b)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Vương Thảo